TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST Ngày 08-01-2021 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Thu Hà

Ông Phạm Duy Phong

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Nhật Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 360/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 570/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Ngô Thị L; nơi cư trú: Đường V, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Vũ Quang V; nơi cư trú: Đường V, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/8/2020, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị L và anh Vũ Quang V kết hôn năm 1999 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Máy Chai, quận Ngô

Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 08 tháng 10 năm 1999. Sau khi kết hôn anh chị chung sống bình thường và có 01 con chung. Trong khoảng thời gian chung sống từ năm 2000 đến năm 2010 anh V đã 03 lần vi phạm pháp luật hình sự và bị đi tù. Từ khi anh V ra trại đến nay, thỉnh thoảng vẫn mải mê chơi bời, thiếu sự quan tâm chăm sóc vợ con, gia đình nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đến năm 2018 do công việc làm ăn của chị L không thuận lợi nên bị thua lỗ nhưng anh V không động viên, chia sẻ mà để chị tự lo toan mọi việc. Từ đó, giữa hai vợ chồng không còn quan tâm nhau về tình cảm, độc lập về kinh tế, việc của ai người ấy làm, không chuyện trò, tâm sự chỉ khi nào có công việc mới nói chuyện, hỏi han nhau. Mâu thuẫn căng thẳng từ cuối năm 2019, càng ngày vợ chồng càng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Đến tháng 9/2020 anh V đuổi chị L ra khỏi nhà, từ đó anh chị sống ly thân đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh V có một con chung là Vũ Huyền Trang, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2000. Khi ly hôn cháu Vũ Huyền Trang đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vũ Quang V vắng mặt tại các phiên hòa giải, vắng mặt hai lần tại phiên tòa không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên không có quan điểm trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật về việc có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Tòa án áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị L được ly hôn với anh V. Con chung Vũ Huyền Trang đã trưởng thành (trên 18 tuổi), tài sản chung chị L không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết. Chị L phải nộp

300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Vũ Quang V cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn anh Vũ Quang V đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V không đến Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh V đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa, anh V vắng mặt lần thứ hai, không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Điều kiện và quá trình kết hôn như chị L đã trình bày, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị L và anh V chung sống bình thường đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không có tiếng nói chung và anh V thiếu sự quan tâm đến gia đình, vợ con. Hiện nay, anh chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau về tình cảm, độc lập về kinh tế. Quá trình giải quyết vụ án anh V đã được tống đạt hợp lệ nhưng không lên tòa để có quan điểm giải quyết cũng như không tham gia hòa giải. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh V đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con:

[4] Chị L và anh V có một con chung như chị L đã trình bày. Hiện tại con chung Vũ Huyền Trang đã trưởng thành (trên 18 tuổi), chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về việc chia tài sản chung:

[5] Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

[6] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, chị Ngô Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Ngô Thị L được ly hôn anh Vũ Quang V.

2. Về việc nuôi con:

Chị Ngô Thị L và anh Vũ Quang V có một con chung là Vũ Huyền Trang, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2000. Khi ly hôn con chung Vũ Huyền Trang đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Chị Ngô Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Ngô Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006664 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành

án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Ngô Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Vũ Quang V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Uỷ ban nhân dân phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 08/10/1999);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Thu